

SÁNG TÁC CỦA FRANZ KAFKA TRONG PHÊ BÌNH VĂN HỌC MIỀN NAM THỜI KỲ 1954-1975

THÁI THỊ HOÀI AN

TÓM TẮT

Hiện tượng F. Kafka được du nhập trước hết ở các đô thị miền Nam Việt Nam thời kỳ 1954-1975. Thông qua các lý thuyết phê bình văn học ở thời kỳ này, các nhà nghiên cứu-phê bình ở miền Nam đã khám phá những bí ẩn trong tác phẩm của nhà văn. Với phê bình phân tâm học, những phạm trù cơ bản như vô thức - dự phóng trong sáng tác và mặc cảm tuổi ấu thơ được khai thác như những yếu tố tạo nghĩa. Với thuyết hiện sinh, những phạm trù cơ bản như hư vô, lo âu, cô đơn, phi lý được khám phá để thấu hiểu thân phận của con người trong xã hội hiện đại. Bên cạnh đó, phê bình tôn giáo giúp các nhà nghiên cứu phát hiện tư tưởng siêu hình qua những biểu tượng có ý nghĩa tôn giáo trong tác phẩm. Có thể nói việc vận dụng các học thuyết trên đã đem sáng tác của F. Kafka đến gần với công chúng hơn.

1. DẪN NHẬP

Franz Kafka (F. Kafka) là một trong những tác giả lớn của văn học thế giới, một trong

những người có vai trò mở đường cho trào lưu hiện đại chủ nghĩa ở phương Tây thế kỷ XX. Sáng tác của F. Kafka đã đem đến cho văn học những cách tân trên nhiều phương diện từ tư tưởng cho tới bút pháp. Với những đóng góp như vậy, F. Kafka trở thành một trong những cây bút có tầm ảnh hưởng sâu rộng trong văn học thế giới. “Thế giới kiểu Kafka”, “Không khí Kafka”, “Huyền thoại Kafka” trở thành những thuật ngữ quen thuộc trong văn học thế giới. Tiếp nhận sáng tác của F. Kafka vì vậy trở thành một trong những vấn đề giành được nhiều sự quan tâm của nghiên cứu-phê bình văn học thế kỷ XX. Các nhà nghiên cứu phương Tây bằng những hướng tiếp cận khác nhau đã tìm thấy ở sáng tác của F. Kafka những nguy cơ của con người hiện đại, những nguy cơ hiện hữu trong đời sống con người trong thế giới rộng lớn không chỉ ở phương Tây mà bao trùm cả thế giới loài người. Điều đó đã khiến cho sáng tác của ông tỏa sự ảnh hưởng sâu rộng tới cả những nước phương Đông, trong đó có Việt Nam. Sự tiếp nhận sáng tác của F. Kafka ở Việt Nam được bắt đầu từ những nhà nghiên cứu-phê bình văn học ở các đô thị miền Nam thời kỳ 1954-1975. Để tiếp cận hiện tượng F. Kafka, các nhà phê bình thời kỳ

Thái Thị Hoài An. Nghiên cứu sinh ngành Văn học Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh.

này đã vận dụng những lý thuyết phương Tây hiện đại như phân tâm học, thuyết hiện sinh, phê bình tôn giáo... Chính điều đó đã giúp họ khai mở những cánh cửa để khám phá bí ẩn F. Kafka.

2. SÁNG TÁC CỦA FRANZ KAFKA QUA LĂNG KÍNH CỦA CÁC LÝ THUYẾT PHÊ BÌNH PHƯƠNG TÂY DU NHẬP VÀO ĐÔ THỊ MIỀN NAM THỜI KỲ 1954-1975

2.1. Vấn đề ẩn ức cá nhân trong sáng tác của F. Kafka qua lăng kính phân tâm học

Thuyết phân tâm học đã có mặt ở Việt Nam từ thời kỳ Pháp thuộc trong sáng tác và nghiên cứu. Sau năm 1954, với chính sách văn hóa hướng về phương Tây ở miền Nam, phân tâm học được nghiên cứu rộng rãi và được đưa vào trường học. Việc giới thiệu trước tác của những nhà phân tâm học cùng với các công trình nghiên cứu về phân tâm học đã làm cho học thuyết này có một chỗ đứng vững chắc trong nghiên cứu văn học ở miền Nam.

Việc vận dụng phê bình phân tâm học vào nghiên cứu sáng tác của F. Kafka không phải chỉ vì xu hướng của thời kỳ đó mà nằm ngay trong đối tượng nhận thức của phê bình. Hơn bất cứ tác gia văn học nào, sáng tác của F. Kafka đặc biệt mang đậm dấu ấn của phân tâm học, nên phương pháp phê bình này mở ra một cánh cửa để hiểu những vấn đề cơ bản trong sáng tác của nhà văn.

Các nhà phê bình thường nhấn mạnh đến phạm trù cơ bản của phân tâm học là vấn đề vô thức, dự phóng trong sáng tác và mặc cảm tuổi ấu thơ của nhà văn. Ý nghĩa của tác phẩm F. Kafka từ góc nhìn phân tâm học đều được lý giải từ hai phạm trù trên.

Từ góc nhìn phân tâm học, các nhà nghiên cứu cho rằng sáng tác của F. Kafka là sự giải tỏa những ẩn ức trong vô thức của nhà văn. Những ẩn ức đó xuất phát từ “cuộc đời đau khổ của Kafka” với “thảm kịch cha con”, của “một tâm hồn bị xâu xé bởi hai khuynh hướng thỏa hiệp với cộng đồng và sống cô đơn” và “những mối tình đau khổ”. Chính tất cả những ẩn ức dồn nén đó tạo thành “một tấn thảm kịch nội tâm”, “xung quanh tấn thảm kịch nội tâm ấy xây dựng tất cả những quan niệm sống, cảm hứng văn nghệ và khắc khoải siêu hình” (Vũ Đình Lưu, 1965, tr. 6, 8, 17). Bị thôi thúc bởi những ẩn ức trong cuộc sống đời thường nên F. Kafka “dự phóng” vào tác phẩm. Do vậy, viết văn đối với nhà văn là “một nhu cầu sống biểu hiện một cách rõ rệt và mãnh liệt... Với Kafka, văn chương là một thứ tôn giáo, là một hình thức cầu nguyện. Kafka cảm thấy phải viết như thể không viết thì bị ngột ngạt. Cho nên viết là một giải thoát, một cứu rỗi” (Nguyễn Văn Trung, 1958, tr. 38). Vậy điều gì đã thúc đẩy F. Kafka đến với văn chương. Theo lý giải của Phạm Công Thiện, “Kafka không viết văn. Nỗi cô đơn của Kafka viết” và vì vậy “tác phẩm của Kafka là kinh nghiệm đau thương của những đêm ngày thao thức bên hồ thăm hư vô” (Phạm Công Thiện, 1970, tr. 502).

Vấn đề trọng tâm trong sáng tác của F. Kafka, được các nhà phê bình theo học thuyết Freud nhấn mạnh, là những mặc cảm tuổi thơ của nhà văn. Mặc cảm tuổi thơ của F. Kafka là mặc cảm trong mối quan hệ giữa người cha và đứa con hay còn gọi là “mặc cảm Oedipe” theo các nhà nghiên cứu. “Mặc cảm Oedipe” trở thành đầu mối để lý giải sáng tác của F. Kafka, là

nguồn gốc của những vấn đề của con người trong tác phẩm của ông.

Phạm Công Thiện với bút danh Cô Liêu cho rằng “trường hợp Kafka là một trường hợp bị dày vò bởi mặc cảm Oedipe – ‘Mặc cảm Kafka’ tượng trưng cho con người bị cha hành tội. Đứa con đã giết cha để lấy mẹ (Oedipe). Đứa con cho rằng làm người là một tội nặng, do đó nó bị ám ảnh, bị tê liệt bởi hai mặc cảm: phạm tội và bị kết tội. Tất cả các tác phẩm của ông chỉ là một lời thú tội của con người sống trong sự ám ảnh ghê gớm ấy” (Cô Liêu, 1964, tr. 34).

Cũng với ý tưởng đó, hàng loạt bài viết của Vũ Đình Lưu in trên tạp chí Văn số 39, năm 1965 đều nhấn mạnh mối quan hệ cha con của F. Kafka. Trong *Cuộc đời đau khổ của Kafka*, Vũ Đình Lưu nhấn mạnh: “Sự nghiệp văn chương của Kafka phản ánh thảm kịch nội tâm gây nên bởi sự xung khắc giữa hai cha con. Tâm hồn người cha lấn át con, con cố vùng vẫy để thoát khỏi ảnh hưởng ấy... Trường hợp Kafka là trường hợp bị dày vò bởi mặc cảm Oedipe. Oedipe giết cha và lấy mẹ nên sợ cha làm tội mình. Cuộc đời Kafka tái diễn thảm kịch Oedipe trong thần thoại”. (Vũ Đình Lưu, 1965, tr. 6).

Trong bài viết *Kafka chống đối Kafka*, (Viết theo Michel Carrouges), Vũ Đình Lưu một lần nữa nhấn mạnh “Nghệ thuật của Kafka bắt nguồn từ tấn thảm kịch cha con, truyện của ông viết không phải là những công trình kiến trúc hoàn toàn tưởng tượng, đó là một cách diễn tả những phản ứng trước bóng vía người cha ám ảnh...” (Vũ Đình Lưu, 1965, tr. 24).

Cũng khai thác mối quan hệ cha con, trong bài viết *Kafka dưới mắt một độc giả*

phương Đông, Vũ Đình Lưu tiếp tục phân tích sâu hơn mối quan hệ giữa sự mặc cảm về người cha và sáng tác của nhà văn. Nhà nghiên cứu cho rằng “Những tác phẩm của Kafka khơi động lên một bầu không khí dị kỳ bởi vì đó không phải là kết quả của trí tưởng tượng thuần túy. Đó chính là cuộc sống thực chuyển hoá sang những bình diện tâm tưởng mà Kafka còn sống mãnh liệt hơn cuộc sống thực. Thảm kịch cha con mà ông diễn tả đúng với bình diện thực tế trong Bức thư gửi cha bây giờ ông diễn lại bằng văn nghệ trên những bình diện khác” (Vũ Đình Lưu, 1965, tr. 52). Những bình diện khác ấy chính là bình diện xã hội, bình diện siêu hình và bình diện tâm lý trong tác phẩm của F. Kafka. Với bình diện xã hội, Vũ Đình Lưu nhấn mạnh “Kinh nghiệm chính yếu lúc tuổi thơ đã làm tê liệt tâm trí ông, bây giờ ông lại diễn lại thảm kịch ấy trên bình diện xã hội” (Vũ Đình Lưu, 1965, tr. 53). Với bình diện siêu hình, sáng tác của F. Kafka là “hình ảnh con người cát bụi phù du sống chết đã có định mệnh...” (Vũ Đình Lưu, 1965, tr. 54). Trên bình diện tâm lý, “là thảm kịch của con người cô đơn không ai hiểu được mình và thông cảm với mình” (Vũ Đình Lưu, 1965, tr. 55). Chính việc nhấn mạnh đến nhiều bình diện, đặc biệt là bình diện xã hội của bi kịch cha con trong tác phẩm của F. Kafka, nhà nghiên cứu Vũ Đình Lưu đã nâng ý nghĩa xã hội của tác phẩm F. Kafka, không dừng lại ở những mặc cảm cá nhân đơn thuần của nhà văn. Cũng như các nhà văn thuộc trào lưu hiện đại chủ nghĩa khác, về mặt tinh thần và đạo đức, F. Kafka trở thành người đại diện cho số phận ngang trái của con người trong xã hội. Với tư cách là một nhà văn, người phát

biểu tư tưởng của thời đại, F. Kafka đã thể hiện những trăn trở và nỗi đau tinh thần của mình vào tác phẩm nghệ thuật, và vì vậy bi kịch cá nhân của nhà văn cũng là bi kịch của xã hội và của con người thời đại ấy. Trên ý nghĩa đó, bi kịch trong mối quan hệ cha-con của F. Kafka không chỉ là vấn đề của riêng nhà văn, mà trở thành những vấn đề có tính thời đại. Từ cái nhìn của phân tâm học, kết hợp với cái nhìn của một người Á Đông, Vũ Đình Lưu đã không chỉ dừng lại ở việc nhấn mạnh bi kịch cá nhân của F. Kafka, mà trên hết là nhìn bi kịch đó dưới góc nhìn xã hội, tâm lý, siêu hình, một tinh thần cần có khi mở cánh cửa đến với văn học hiện đại.

Cũng dưới góc nhìn của phân tâm học, Chương ba có tên *Ý thức cô lập Nỗi đau quần quai của Kafka* của Phạm Công Thiện in trong cuốn *Ý thức mới trong văn nghệ và triết học* đã khẳng định: Tất cả những biểu hiện của con người Kafka và văn chương Kafka như “Kẻ xa lạ”, “Kẻ bị lưu đày”, “Kẻ mất gốc”, “Kẻ phạm tội”, “Một con vật” đều khởi phát từ “cơn thịnh nộ của cha”, cơn thịnh nộ “đề nặng hơi thở Kafka suốt đời” (Phạm Công Thiện, 1970, tr. 505) và chính “tuổi thơ đã quyết định cuộc đời sau này; vì lớn lên, kẻ xa lạ ấy (hay kẻ bị lưu đày, hay kẻ mất gốc hay kẻ phạm tội) có cảm tưởng mình là một con vật, một con sâu bọ phá hoại (das Ungeziefer) hay một con thú rừng (Waldtier) giữa xã hội loài người” (Phạm Công Thiện, 1970, tr. 511).

Như vậy, tiếp cận bằng phân tâm học, các nhà nghiên cứu đã khám phá được một trong những bí ẩn sáng tác của nhà văn. Cách tiếp cận đó tỏ ra phù hợp với hiện tượng như F. Kafka.

2.2. Vấn đề thân phận con người trong sáng tác của F. Kafka từ góc nhìn của thuyết hiện sinh

Thuyết hiện sinh du nhập vào miền Nam vào những năm 50 của thế kỷ XX thông qua các tạp chí cấp tiến như *Sáng tạo*, *Đại học*, *Bách khoa*..., nhưng phải đến những năm 60 của thế kỷ này, khi xã hội miền Nam rơi vào khủng hoảng trầm trọng, thì triết thuyết này mới có chỗ đứng vững chắc. Tư tưởng hiện sinh của J.P. Sartre và A. Camus để lại dấu ấn sâu sắc trong sáng tác và phê bình văn học. Đối với phê bình văn học, triết thuyết hiện sinh đặt cơ sở mỹ học và trở thành một hệ quy chiếu để đánh giá, thẩm định các tác phẩm văn học.

Những phạm trù mà các nhà phê bình hiện sinh đề xướng như hư vô, lo âu, cô đơn, phi lý... đều được vận dụng để nhìn nhận hiện tượng F. Kafka, được đánh giá là “kẻ tiên phong” của chủ nghĩa hiện sinh (theo Thạch Chương, 1960, tr. 69).

Đánh giá về tác phẩm của F. Kafka, Tràng Thiên, một bút danh khác của nhà nghiên cứu Võ Phiến, cho rằng “những câu chuyện của Franz Kafka đã tả các thân phận khốn nạn của con người trong cái thế giới ác mộng nhưng rất thực” (Tràng Thiên, 1974, tr. 3). Thân phận con người là vấn đề mà văn chương hiện đại thường hướng tới, nhưng hơn ở đâu hết, những thân phận con người xa lạ, cô đơn, lo âu, khắc khoải là những vấn đề chính yếu của văn chương hiện sinh. F. Kafka được đánh giá như người khởi đầu cho văn chương viết về thân phận con người, “Kafka thấy rõ số phận của con người hôm nay... Hiểu được Kafka là ta đã nắm được chìa khóa mở cửa vườn văn học

thế kỷ XX” (Hoàng Minh Trí, 1964, tr. 70). Từ những nhận thức này mà việc khai thác những yếu tố về thân phận con người trở thành dòng chính của phê bình hiện sinh ở miền Nam.

Nhắc đến thân phận con người trong sáng tác của F. Kafka, các nhà phê bình thường nêu bật những vấn đề về nỗi cô đơn, “xao xuyến bơ vơ siêu hình”, cảm giác “bị lạc lõng không biết bám víu vào đâu để lấp khoảng trống trong tâm hồn” (Phạm Công Thiện, 1962, tr. 30). Nỗi cô đơn của con người hiện đại được Phạm Công Thiện khai thác sâu sắc trong bài viết *Ý thức cô lập - Nỗi đau quần quai của Kafka*. Dưới cái nhìn của Phạm Công Thiện, F. Kafka là hiện thân của nỗi cô đơn tuyệt đối, và chính “nỗi cô đơn của Kafka đã viết” nên những tác phẩm phản ánh “kinh nghiệm Kafka” (Phạm Công Thiện, 1970, tr. 502). F. Kafka “là một kẻ cô đơn tuyệt đối, sống giữa những người thân thuộc như sống giữa những sỏi đá, nhìn mười phương trời chỉ là cỏ khô nắng cháy, đi giữa đời như đi giữa nghĩa địa hoang vu” (Phạm Công Thiện, 1970, tr. 503). F. Kafka - “Kẻ mất gốc là một con người cô đơn tuyệt đối; những chiều mưa u ám, một mình băng quơ đứng nhìn dòng sông xa xôi và bỗng nhiên hoảng hốt, ý thức rằng mình đã bị dòng đời cuốn trôi phũ phàng xa khỏi nguồn đến ngàn vạn dặm” (Phạm Công Thiện, 1970, tr. 506). Đọc phê bình của Phạm Công Thiện về nỗi cô đơn của F. Kafka, có cảm tưởng như nhà nghiên cứu đang mượn những ẩn ức của nhà văn để lý giải cho chính nỗi cô đơn của thân phận mình: “Hắn gọi hồn Kafka về để hắn được chia sẻ đôi chút tâm tình chua xót đau thương” (Phạm

Công Thiện, 1970, tr. 528). Đây là cách phê bình quen thuộc của giới trí thức miền Nam thời đó, kiểu đọc “tri âm”, khai thác những yếu tố phù hợp với tâm lý của người đọc. Tuy nhiên, cách tiếp cận của Phạm Công Thiện về nỗi cô đơn của F. Kafka chỉ hướng đến những trải nghiệm thuộc về nhà văn chứ chưa thấy được ý nghĩa xã hội, thời đại mà F. Kafka gửi gắm. Đành rằng F. Kafka viết dựa trên những kinh nghiệm bản thân, nhưng nó cũng xuất phát từ thân phận của con người trong xã hội phương Tây nói riêng và nhân loại nói chung. Các nhà văn như F. Kafka, A. Camus, J.P. Sartre, mỗi người nhấn mạnh đến một khía cạnh của con người và họ có thể thấu cảm với nhau được, bởi họ không chỉ phản ánh sự xa lạ của mình (A. Camus), cảm giác buồn nôn của mình (J.P. Sartre) hay nỗi cô đơn của mình (F. Kafka) mà trên hết là phản ánh tình trạng xa lạ, cảm thức nôn mửa, nỗi cô đơn vô tận của loài người. Nếu F. Kafka chỉ nói những điều thuộc về cá nhân thì ắt hẳn tác phẩm của ông sẽ khó có chỗ đứng trong nền văn học nhân loại và có tầm ảnh hưởng sâu rộng đến mức “hầu hết những văn sĩ ngày này đều sáng tác trong lòng không khí ấy (Không khí Kafka) và Kafka ám ảnh cả tiểu thuyết thế giới” (Phạm Công Thiện, 1962, tr. 30).

Gắn liền với vấn đề thân phận con người là phạm trù về cái phi lý. Cái phi lý theo Vũ Đình Lưu là “sự phản ứng tất nhiên trước tham vọng vô bờ của tư tưởng duy lý. Tư tưởng mới này không phải là cái gì xuất hiện ngẫu nhiên mà là sự phôi thai của những quan niệm kỹ thuật báo hiệu từ Dostoevski đến Kafka, Malraux” (Vũ Đình Lưu, 1960, tr. 41). Sáng tác của F. Kafka

phản ánh sự phi lý của cuộc sống bởi “Kafka là nạn nhân đau đớn nhất của thời đại ngờ vực, của thời đại phi lý” (Hoàng Minh Trí, 1964, tr. 69). Cái phi lý mà các nhà văn khai thác trong văn chương F. Kafka là cái phi lý trong sự sinh tồn của con người, của việc “sống và không biết mình sống làm gì. Đi và không biết mình đi đâu. Chết và không biết tại sao mình chết. Bị buộc là kẻ phạm tội và không biết mình đã phạm tội gì. Đó là tất cả ý nghĩa của sự phi lý” (Phạm Công Thiện, 1970, tr. 510). Cái phi lý còn nằm ở mối đe dọa đối với cuộc sống luôn tiềm ẩn trong con người khiến họ rơi vào sự xa lạ, hoài nghi. Đọc *Hang ổ* của F. Kafka, Huỳnh Phan Anh nhận định: “Kafka đã đưa ra hình ảnh hãi hùng nhất của kiếp nhân sinh. Đời sống hay một cái hang đào mãi không thôi. Đời sống như cái chết không ngừng gặp gỡ: không hề đến trong một lần dứt khoát... Sống tức là sống trong bất trắc. Bất trắc vì không có gì rõ ràng. Bất trắc vì tất cả đầy hoài nghi và xa lạ...” (Huỳnh Phan Anh, 1969, tr. 7). Trước cái phi lý hiện sinh của con người, thái độ của F. Kafka như thế nào? Nhà nghiên cứu Vũ Đình Lưu cho rằng thái độ của nhà văn là kiếm “tìm chân lý qua sự phi lý”, bởi “người ta đã biết rõ và chấp nhận sự phi lý thì chịu đựng được cái phi lý, bấy giờ không còn phi lý nữa” (Vũ Đình Lưu, 1965, tr. 42). Thái độ chấp nhận sự phi lý trước thân phận con người đã khẳng định vị trí. F. Kafka là người mở đường cho tư tưởng hiện sinh vô thần, “chúng ta biết rằng từ luận điệu chấp nhận cuộc đời phi lý đến sự ruồng bỏ ông Trời và nhận lấy hoàn toàn trách nhiệm về cuộc sống, không cần sự chỉ đạo của đấng thần linh nào, chỉ có một

bước nhỏ... Kafka được coi là người khơi nguồn văn nghệ hiện đại tuy ông không ruồng bỏ ông Trời” (Vũ Đình Lưu, 1965, tr. 42)

Một trong những phạm trù cơ bản của triết học hiện sinh là bàn về Hư vô. Hư vô là phạm trù được nhà triết học M. Heidegger – người sáng lập ra Chủ nghĩa hiện sinh bàn đến trong các công trình của mình. Với M. Heidegger, con người chẳng qua là một tập hồ sơ, tồn tại của con người chẳng qua là sự chờ đợi cái chết. Tư tưởng này được phát triển ở những nhà triết học hiện sinh kế tiếp như J.P. Sartre, A. Camus... Hư vô trở thành một trong những vấn đề cơ bản của triết học hiện sinh. Từ cái nhìn của M. Heidegger về sự tồn tại của con người, các nhà phê bình hiện sinh ở miền Nam rơi chiếu vào tác phẩm của F. Kafka và nhận thấy “tác phẩm của Kafka là kinh nghiệm đau thương của những đêm ngày thao thức bên hồ thăm hư vô” (Phạm Công Thiện, 1970, tr. 502), cùng với J.P. Sartre, A. Camus, F. Kafka đã “diễn tả một loại thối nát của con người trước viễn cảnh hư không” (Vũ Đình Lưu, 1965, tr.36). Thông qua nhân vật J.K trong *Vụ án* (*La Pócés*), bằng việc so sánh tư tưởng của M. Heidegger và sáng tác của F. Kafka, Nguyễn Nhật Duật nhận thấy “cũng trong kinh nghiệm này (Kinh nghiệm sự tồn tại của con người như là sự hiện hữu cho sự chết)... Kafka mô tả đời sống con người như một sự chờ đợi, chờ đợi cái chết, và sự sinh tồn chính là những triển hạn giờ tuyên án tử hình, hiện hữu là bị xử tội (bằng pháp luật, bằng những ràng buộc xã hội và bằng những lần tự vấn lương tâm qua thối nát, dày vò, hối hận” (Nguyễn Nhật Duật, 1966, tr. 30). Quan niệm cuộc

sống là sự chờ đợi cái chết được Vũ Đình Lưu lý giải qua những tác phẩm *Tuyên án*, *Trại giam*, *Vụ kiện*. “Trong truyện *Tuyên án*, ý nghĩa cuối cùng của đũa con là tìm đến cõi chết, trong truyện *Vụ kiện* chính tội nhân đưa đao phủ đến nơi hành hình mình, trong truyện *Trại giam* viên sĩ quan tự ý thay thế kẻ bị hành tội để được chết. Tại sao họ lại tìm đến cõi chết vậy? Vì cái chết là giải thoát, họ bước vào đời sống bất diệt. Trong lâu đài, nhân vật K... chờ đợi sự chết, vì chỉ có cái chết mới mở cửa cho anh ta bước vào tòa lâu đài, vào đời sống bất diệt” (Vũ Đình Lưu, 1965, tr. 33).

Vận dụng những phạm trù của phê bình hiện sinh, các nhà nghiên cứu đã khai thác những vấn đề căn cốt trong tác phẩm của F. Kafka với tư cách là một nhà văn dân thân, là người thể hiện những bi kịch thời đại của con người. Việc vận dụng triết thuyết hiện sinh cũng đã khai phá những tư tưởng triết học vốn hiện hữu trong tác phẩm của nhà văn, điều khiến cho ông trở thành một trong những người mở đường cho triết học hiện đại.

2.3. Tư tưởng siêu hình trong sáng tác của F. Kafka từ cái nhìn của phê bình tôn giáo

So với các tôn giáo khác, Công giáo đến với Việt Nam có phần muộn màng hơn, nhưng không phải vì thế mà không có tầm ảnh hưởng. Dưới thời của chính quyền Ngô Đình Diệm, Công giáo phát triển mạnh mẽ và có ảnh hưởng sâu rộng. Ở đây chúng ta không phân tích ảnh hưởng của tư tưởng Công giáo trong đời sống mà chỉ bàn đến tác động của nó đối với hoạt động phê bình văn học ở miền Nam thời kỳ 1954-1975. Không xuất hiện với những phạm trù cụ thể như phân tâm học hay phê

bình hiện sinh, tư tưởng tôn giáo xuất hiện trong phê bình văn học ở miền Nam khi người đọc phát hiện ra những yếu tố tôn giáo trong tác phẩm văn học hoặc những hiện tượng văn học sáng tác dưới ảnh hưởng của tư tưởng tôn giáo. Sáng tác của F. Kafka là những sáng tác như vậy, ở F. Kafka, đằng sau vấn đề thân phận con người, đằng sau những trải nghiệm lo âu, cô đơn là những vấn đề tôn giáo được ngầm thể hiện qua những hình tượng văn học.

Vũ Đình Lưu trong *Kafka dưới mắt một độc giả phương Đông* khi nhận định về “sự liên lạc giữa Trời và người trong văn học phương Tây hiện đại” đã khẳng định “văn nghệ phương Tây, cũng như mọi hoạt động tinh thần khác, đã khai triển dưới sự chỉ đạo của một khái niệm về Thượng đế tượng trưng cho Tuyệt đối... Cho nên muốn tìm hiểu thực chất tư tưởng của Kafka, trước hết chúng ta phải tìm hiểu quan niệm tôn giáo của ông” (Vũ Đình Lưu, 1965, tr. 36) Với định hướng đó, bài viết của Vũ Đình Lưu đã khai thác những biểu hiện của tư tưởng Công giáo trong sáng tác của F. Kafka. Ông cho rằng, để lý giải những biểu hiện của tư tưởng F. Kafka phải bắt đầu từ “lòng tin tuyệt đối một Đấng Thượng đế” của nhà văn, bởi vì chính lòng tin này “cắt nghĩa cho ta nhiều nét riêng biệt về tư tưởng của ông”. Từ nhận định đó, tác giả nhấn mạnh đến những biểu hiện tư tưởng của F. Kafka như ý thức bi kịch, sự hoài nghi, tâm trạng hoài nghi đều xuất phát từ cái nhìn tôn giáo của nhà văn: “Các tác phẩm của ông diễn tả ý thức bi thảm... Bi thảm của Kafka là bi thảm của người biết có ông Trời nhưng không sao gần được ông Trời. Sống trong sự cách

biệt ấy, con người đau khổ vì mình bất lực và tối tăm” (Vũ Đình Lưu, 1965, tr. 39) hay “đối với Kafka ý thức về sự cách biệt giữa con người và Thượng đế đem lại cho ông sự bất an”; hay “cách nhìn đời của ông là một cái nhìn bi quan của người hoài nghi, sự hoài nghi ấy chỉ có thể đánh tan được sau khi đã qua nhiều thử thách, nhờ đó mà đức tin thêm mãnh liệt... Cuộc đời và văn phẩm của Kafka tượng trưng cho cuộc thử thách quyết liệt để biết giá trị của đức tin” (Vũ Đình Lưu, 1965, tr. 40). Từ đó nhà nghiên cứu đi đến nhận định “hướng về một khái niệm tuyệt đối là Thượng đế, cuộc hành trình của Kafka đã thực nghiệm những giá trị tinh thần mà tư tưởng hiện đại chú trọng hơn cả: tự do, hy vọng và nghị lực” (Vũ Đình Lưu, 1965, tr. 40).

Không chỉ nhìn nhận tư tưởng siêu hình của F. Kafka dưới ánh sáng tôn giáo, các nhà phê bình còn gắn các tác phẩm của nhà văn với những ý nghĩa tôn giáo của nó. “Das Schloss là bi kịch của một người đi tìm gốc rễ” (Phạm Công Thiện, 1970, tr. 508); “tòa lâu đài là tượng trưng cho tâm lòng nhân loại luôn hướng về Thượng đế, đáng chí công, chí minh mà họ tin tưởng, tuy chẳng bao giờ gặp mặt” (Doãn Quốc Sĩ, 1972, tr. 245); “vụ kiện là... một cách thể hiện tội lỗi nguyên thủy của người tín đồ Kitô giáo, hình ảnh của thân phận kiếp người” (Vũ Đình Lưu, 1965, tr. 51).

3. KẾT LUẬN

Vận dụng các học thuyết phê bình hiện đại để khám phá hiện tượng F. Kafka là một bước tiến mới trong phê bình văn học miền Nam thời gian này, đưa lý luận phê bình thoát khỏi những lối mòn. Đó là một trong những đóng góp quan trọng của các nhà phê bình ở miền Nam. Điều này xuất

phát từ tâm nguyện của các học giả đối với việc hiện đại hóa văn học, trước hết là trên lĩnh vực phê bình. Khát vọng này càng được thúc đẩy khi các học thuyết phương Tây du nhập vào miền Nam. Nhưng điều quan trọng hơn là chính tâm thế của người Việt Nam đã dẫn đến sự tiếp nhận nhanh chóng những lý thuyết đó. Hơn nữa đối tượng tiếp nhận đòi hỏi cần phải có những hướng tiếp cận mới mà một nền lý luận phê bình truyền thống khó có thể giúp tìm đến chân lý. Những nguyên nhân trên đã đưa đến việc vận dụng các học thuyết phê bình phương Tây vào khám phá hiện tượng F. Kafka. Trên hành trình tìm đến với chân lý F. Kafka, các nhà phê bình đã phát hiện ra được những đóng góp to lớn của nhà văn đối với văn học, triết học, đối với cảm quan của con người thời hiện đại, chia sẻ được những lo âu, băn khoăn của nhà văn như những người tri âm. Song cũng chính điều này đã dẫn đến những hạn chế như sự “làm dáng trí thức” một cách thái quá trong việc áp dụng lý thuyết, hoặc sự suy diễn dựa trên những ẩn ức cá nhân... Tuy nhiên điều quan trọng là cho đến ngày hôm nay, khi đã có một khoảng cách nhất định để thấu hiểu nhà văn, chúng ta vẫn thấy những phát hiện của các nhà phê bình về F. Kafka rất gần với cái nhìn của chúng ta hiện nay về sáng tác của ông.

Như vậy, đến với độc giả miền Nam Việt Nam thời kỳ 1954-1975, sáng tác của F. Kafka được soi chiếu từ nhiều góc nhìn của các trào lưu phê bình văn học phương Tây hiện đại. Mỗi khuynh hướng phê bình phát hiện tác phẩm của F. Kafka ở mỗi khía cạnh khiến cho việc hiểu nhà văn trở nên đa dạng, phong phú, đúng như yêu

cầu cần có của hiện tượng văn học phức tạp này. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cô Liêu. 1964. *Văn nghệ quan niệm là một phương tiện giải thoát*. Tạp chí Mai số 36 (tháng 12).
2. Doãn Quốc Sĩ. 1972. *Văn học và tiểu thuyết*. Sài Gòn: Nxb Sáng tạo.
3. Hoàng Minh Trí. 1964. *Giới thiệu một nhà vô địch nhện đói*. Tạp chí Bách khoa số 176. (tháng 5).
4. Huỳnh Phan Anh. 1969. *Ấm ảnh của tác phẩm*. Tạp chí Khởi hành số tháng 1.
5. Nguyễn Nhật Duật. 1966. *Kinh nghiệm về vực thẳm*. Tạp chí Nghệ thuật số tháng 7.
6. Nguyễn Văn Trung. 1958. *Nhà văn và chữ viết*. Tạp chí Bách khoa số 118 (tháng 12).
7. Phạm Công Thiện. 1962. *Franz Kafka là ai?* Tạp chí Mai số 4 (tháng 8).
8. Phạm Công Thiện. 1970. *Ý thức mới trong văn nghệ và triết học*. Sài Gòn: Nxb. An Tiêm.
9. Thạch Chương. 1960. *Trình bày và phê bình hai quan niệm nổi loạn của Anbe Camus*. Tạp chí Sáng tạo số 3 (tháng 9).
10. Trần Hoài Anh. 2009. *Lý luận phê bình văn học ở các đô thị miền Nam 1954 -1975*. Hà Nội: Nxb. Hội Nhà văn.
11. Trùng Thiên. 1974. *Huyền thoại và huyền thoại lý học*. Tạp chí Văn hóa tập san số 2 (tháng 2).
12. Vũ Đình Lưu. 1965. *Cuộc đời đau khổ của Kafka*. Tạp chí Văn số 39 (tháng 8).
13. Vũ Đình Lưu (1965). *Kafka dưới mắt một độc giả Đông phương*. Tạp chí Văn số 39. (tháng 8).
14. Vũ Đình Lưu. 1965. *Kafka chống đối Kafka* (Viết theo Michel Carrouges). Tạp chí Văn số 39. (tháng 8).
15. Vũ Đình Lưu. 1965. *Thắc mắc siêu hình hay thảm kịch văn hóa*. Tạp chí Văn học số 39. (tháng 6).